

Bản án số: 240/2024/HS-ST
Ngày 25-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà

Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Ông Đỗ Xuân Quyết

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 223/2024/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 449/TB-TA ngày 14 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn C, sinh ngày 27 tháng 10 năm 1988 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị S; có vợ là Đoàn Thị T1, sinh năm 1988 (đã ly hôn); có 02 con; tiền sự: Không; tiền án:

- Bản án số 45/2022/HSST ngày 25/8/2022, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng xử phạt 30 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng (chưa xóa án tích).

Nhân thân:

- Bản án số 92/2011/HSST ngày 15/11/2011, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền xử phạt 06 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ (đã xóa án tích);

- Bản án số 37/2018/HSST ngày 05/10/2018, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xử phạt 01 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã xóa án tích);

Bị cáo bị tạm giữ ngày 07/5/2024; chuyển tạm giam ngày 13/5/2024; có mặt;

2. Vũ Đức T2, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1992 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn B, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn H và bà Đặng Thị N; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/5/2024; chuyển tạm giam ngày 13/5/2024; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C:* Ông Nguyễn Văn C1 – Luật sư Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 07/5/2024, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an thành phố H kiểm tra hành chính nhà Phạm Văn C tại thôn V, xã T, huyện V, Hải Phòng phát hiện trong phòng ngủ của C có C, Vũ Đức T2 và Trần Văn T3; ngoài cổng nhà C có Nguyễn Văn T4. Thu giữ tại phòng ngủ của C 02 túi nilon chứa tinh thể màu trắng; 01 bộ sử dụng ma túy đá tự chế gồm chai nhựa có nắp gắn ống hút và 01 nỏ thủy tinh chứa tạp chất màu nâu. Ngoài ra, còn thu giữ của Phạm Văn C 01 điện thoại Iphone; số tiền 2.300.000 đồng; thu giữ của Vũ Đức T2 01 điện thoại Samsung.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn C thu giữ: Trong ấm nước tại bếp và thùng cacton trên kệ sau nhà C 200.000 đồng; 01 túi nilon chứa 06 viên nén; các mảnh vỡ viên nén màu đỏ; 08 túi nilon kích thước khác nhau đựng 118 túi nilon các loại đều chứa tinh thể màu trắng. Ngoài ra còn thu giữ 01 hộp giấy chứa nhiều túi nilon các loại, 01 thìa nhựa và 01 cân điện tử.

Xét nghiệm nước tiểu: Phạm Văn C, Vũ Đức T2, Trần Văn T3, Nguyễn Văn T4 đều dương tính với chất ma túy Methamphetamine.

Tại Bản kết luận giám định số 551/KL-KTHS ngày 10/5/2024 của Phòng K - Công an thành phố H đã xác định: Tinh thể màu trắng và các viên nén thu giữ trong các túi nilon của Phạm Văn C có tổng cộng 127,45 gam ma túy loại Methamphetamine; chất màu nâu bám dính trong nỏ thủy tinh thu giữ của Phạm Văn C là loại ma túy Methamphetamine, không đủ xác định khối lượng.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Sáng ngày 07/5/2024, Vũ Đức T2 đến nhà Phạm Văn C ăn cơm trưa cùng gia đình C. Sau khi ăn xong, T2 vào phòng ngủ của C xin C sử dụng ma túy đá, C đồng ý. C bảo T2 lấy bộ sử dụng có sẵn ma

túy đá trong nỏ thủy tinh của C để trên bàn mà sử dụng. T2 đi đến bàn uống nước châm lửa và sử dụng ma túy đá. Sau đó, T2 đi ra khỏi phòng C thì Trần Văn T3 đi vào phòng của C và bảo C “cho anh vài chày”. C hiểu là T3 bảo C lấy ma túy ra cho T3 sử dụng, C đồng ý. C gọi T2 vào phòng của C bảo T2 đi thay nước bình sử dụng ma túy đá để đưa cho T3 sử dụng. T2 cầm bộ sử dụng ma túy đá đi thay nước rồi mang vào phòng của C cho T3 sử dụng. T3 đã châm lửa sử dụng ma túy đá trong nỏ thủy tinh. Một lúc sau, Nguyễn Văn T4 đến cổng nhà C gọi C qua Z mua 200.000 đồng ma túy đá. C đồng ý bảo T2 ra cổng nhận tiền của T4 cho C, T2 đã cầm 200.000 đồng của T4 mang vào nhà C thì Cơ quan Công an vào kiểm tra nên T2 nhét 200.000 đồng vào thùng catton trên kệ sân sau bếp.

Phạm Văn C khai về nguồn gốc ma túy thu giữ tại nhà C là C mua của một người nam giới tên T5, không rõ lai lịch trong ngõ C T, quận L, Hải Phòng với giá 40.000.000 đồng trước khi bị bắt một tuần. C đã chia ma túy mua được vào các túi nilon, cất vào các vị trí trong nhà với mục đích sử dụng và bán kiếm lời.

Vũ Đức T2 khai: T2 đã nhiều lần mua ma túy của C để bán lại cho nhiều người kiếm lời, mỗi lần T2 bán lại, T2 được hưởng lợi 50.000 đồng. Các đối tượng mua ma túy của T2 đều đưa tiền hoặc chuyển tiền trước vào tài khoản của T2 hoặc tài khoản của Lê Thị N1 để T2 đi mua ma túy đá của C bán lại cho họ. N1 không biết gì và không tham gia vào việc mua bán trái phép ma túy của T2. Hiện T2 không còn nhớ hết những người mua ma túy của T2, chỉ nhớ bán ma túy cho hai anh em Nguyễn Văn T6 và Nguyễn Văn T7:

- Ngày 08/4/2024 và ngày 10/4/2024, Nguyễn Văn T7 đều nhắn tin hỏi T2 mua 300.000 đồng ma túy đá, T2 đồng ý. Cả hai lần T7 đều đưa 300.000 đồng cho T2; cả hai lần T2 đều mua 250.000 đồng ma túy đá của C rồi mang đến khu vực gần nhà T7 giao cho T7.

- Ngày 23/4/2024 và ngày 04/5/2024, Nguyễn Văn T6 đều nhắn tin hỏi T2 mua 300.000 đồng ma túy đá, T2 đồng ý. Cả hai lần, T6 đều nhờ một người đàn ông ở quán nước gần nhà T6 chuyển 300.000 đồng từ tài khoản của người đó vào tài khoản của Vũ Đức T2 nhưng T6 không nói cho người đàn ông biết mục đích chuyển tiền để làm gì và cả hai lần T2 đều mua 250.000 đồng tiền ma túy đá của C mang về khu vực gần nhà T6 giao cho T6.

Vật chứng của vụ án: Số ma túy còn lại sau giám định; 02 chiếc điện thoại; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 hộp giấy; 01 thìa nhựa; 01 cân điện tử; nhiều túi nilon các loại và 2.500.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 233/CT-VKS-P1 ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Phạm Văn C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2

Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Vũ Đức T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Đối với Lê Thị N1 (sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn B, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng) là người đã cho T2 nhờ số tài khoản để các đối tượng chuyển tiền vào tài khoản của N1 nhưng T2 không cho N1 biết việc chuyển tiền nhằm mục đích mua bán trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra đã lấy lời khai của N1, Nguyên khai không biết T2 mua bán trái phép chất ma túy, không tham gia với T2 về việc mua bán trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với Nguyễn Văn C2 là người đã chuyển tổng số tiền 600.000 đồng hộ T6 từ tài khoản của C2 vào tài khoản của Vũ Đức T2 trong các ngày 23/4/2024 và 04/5/2024 nhưng C2 không biết việc chuyển tiền để T6 mua bán ma túy và không tham gia với T2 về việc mua bán trái phép chất ma túy nên không có căn cứ xử lý hình sự với C2.

Trong vụ án còn có người đàn ông tên T5 đã bán ma túy cho Phạm Văn C trong ngõ C T, quận L, Hải Phòng nhưng C khai không biết lai lịch của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh để xử lý.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 (áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy); Điều 38, Điều 17, Điều 55 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 20 (Hai mươi) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Phạt bổ sung đối với bị cáo C số tiền từ 15 – 20 triệu đồng.

+ Xử phạt bị cáo C từ 08 (T) năm 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) năm 06 (S1) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo C phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 28 (Hai mươi tám) năm 06 (sáu) tháng đến 29 (Hai mươi chín) năm 06 (S1) tháng tù.

- Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 55 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Vũ Đức T2 từ 07 (B) năm 06 (Sáu) tháng đến 08 (T8) năm 06 (S1) thán tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Phạt bổ sung đối với bị cáo T2 số tiền từ 05 đến 10 triệu đồng.

+ Xử phạt bị cáo Vũ Đức T2 từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm

06 (Sáu) tháng về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo T2 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 10 (Mười) năm đến 12 (Mười hai) năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo C: Hoàn toàn nhất trí với tội danh, điều luật như nội dung Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố. Do bị cáo T2 và đối tượng T4 chủ động đến nhà C xin ma túy để sử dụng, bị cáo C không phải là người chủ động tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sớm trở về đoàn tụ cùng gia đình. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức phạt bổ sung là phạt tiền thấp nhất so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, bị cáo C, T2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật

- *Về tội danh và khung hình phạt:*

[2] Lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để xác định: Ngày 07/5/2024, tại nhà của Phạm Văn C, bị cáo C đã cung cấp ma túy, dụng cụ cho Trần Văn T3, Vũ Đức T2 sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Vũ Đức T2 đã chuẩn bị bộ dụng cụ cho Trần Văn T3 sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của C, T2 đủ yếu tố cấu thành đồng phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

[3] Phạm Văn C có hành vi tổ chức cho Vũ Đức T2 và Trần Văn T3 sử dụng trái phép ma túy tại nhà của C nên bị cáo C phải chịu tình tiết định khung hình phạt “*đối với 02 người trở lên*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Đức T2 chuẩn bị dụng cụ cho T3 sử dụng ma túy do vậy, bị cáo chịu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự

[4] Phạm Văn C nhiều lần mua bán trái phép tổng số 127,45 gam ma túy Methamphetamine, hành vi bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[5] Bị cáo Vũ Đức T2 đã nhiều lần mua bán trái phép ma túy với tổng số tiền 1.200.000 đồng. Số ma túy này không thu giữ được nên không xác định được khối lượng ở các lần mua bán trái phép này. Hành vi của T2 đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[6] Việc Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng **truy tố** đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[7] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước mà còn gây mất trị an ở địa phương và là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

- *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[8] Bị cáo Vũ Đức T2 chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Bị cáo Phạm Văn C có 03 tiền án (02 tiền án đã được xóa). Mặt khác, bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*tái phạm*” và “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[10] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- *Về quyết định hình phạt:*

[11] Căn cứ nhân thân, vai trò cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới đủ tính chất răn đe, phòng ngừa chung.

- *Về hình phạt bổ sung:*

[12] Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo nhằm tính chất thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

[13] Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định; 01 phong bì niêm phong nỏ thủy tinh có dấu niêm phong số: 551/MT/PC09 và có chữ ký của Phạm Hoàng H1 và Trần Tuấn T9; 01 hộp giấy kích thước khoảng 15x20x8cm; 01 cân điện tử kích thước 10x4cm; các loại vỏ túi nilon nhiều kích cỡ; 01 thìa nhựa đỏ dài 18cm; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá tự chế (gồm 01 lọ nhựa có lắp đục hai lỗ, một lỗ gắn ống nhựa, 01 lỗ gắn ống cao su) là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[14] 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone không xác định được số IMEI do điện thoại trong trạng thái “Iphone không khả dụng” kèm theo 01 sim in dãy số 8984048000931293809 thu giữ của C; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung có số IMEI1: 35616113504771, số IMEI2: 356417113504779 kèm theo 01 sim in dãy số 8984048000930817126 thu giữ của T2 liên quan hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] Đối với số tiền 200.000 đồng thu giữ tại bếp và kệ sân sau nhà C là tiền thu được từ việc bán ma túy cho đối tượng Nguyễn Văn T4 nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[16] Đối với số tiền 2.300.000 đồng thu được tại phòng ngủ của C. Qua xác minh, số tiền này là tiền công lao động của C, không liên quan việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

- Về án phí:

[17] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[18] Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 (áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy); Điều 38, Điều 17, Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Phạm Văn C phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Xử phạt Phạm Văn C 20 (Hai mươi) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; 08 (T8) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 28 (Hai mươi tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/5/2024.

Phạt bị cáo Phạm Văn C số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Vũ Đức T2 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy;

Xử phạt Vũ Đức T2 08 (T8) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; 03 (Ba) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 11 (Mười một năm) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/5/2024.

Phạt bị cáo Vũ Đức T2 số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

1. Về xử lý vật chứng: **Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:**

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 phong bì niêm phong bên trong chứa số ma túy còn lại sau giám định có dấu niêm phong số: 551/MT/PC09 và có chữ ký của Phạm Hoàng H1, Phạm Văn C, Trịnh Văn M và Đỗ Hoàng C3;

+ 01 (một) phong bì niêm phong nỏ thủy tinh có dấu niêm phong số: 551/MT/PC09 và có chữ ký của Phạm Hoàng H1 và Trần Tuấn T9;

+ 01 (một) hộp giấy kích thước khoảng 15x20x8cm;

+ 01 (một) cân điện tử kích thước 10x4cm;

+ Các loại vỏ túi nilon nhiều kích cỡ;

+ 01 (một) thìa nhựa đỏ dài 18cm;

+ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá tự chế (gồm 01 lọ nhựa có nắp đậy hai lỗ, một lỗ gắn ống nhựa, 01 lỗ gắn ống cao su);

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung có số IMEI1: 35616113504771, số IMEI2: 356417113504779 kèm theo 01 (một) sim in dãy số 8984048000930817126;

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone không xác định được số IMEI do điện thoại trong trạng thái “Iphone không khả dụng” kèm theo 01 (một) sim in dãy số 8984048000931293809;

+ Số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) - Ủy nhiệm chi lập ngày 04 tháng 11 năm 2024 tại Kho bạc Nhà nước H2;

- Trả lại bị cáo Phạm Văn C số tiền số tiền 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) - Ủy nhiệm chi lập ngày 04 tháng 11 năm 2024 tại Kho bạc Nhà nước H2.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22 tháng 11 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Văn C và Vũ Đức T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn C và Vũ Đức T2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PC10 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Trại tạm giam CATP;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hà

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒ

Đỗ Xuân Quyết Vũ Thị Minh Nguyệt

Nguyễn Mạnh Hà

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Hải

Bùi Thị Thu Hằng

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PC10 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Trại tạm giam CATP;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hà